

Bản án số: 195/2022/HS-PT

Ngày: 24-6-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mỹ.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tuấn Anh.

Ông Phạm Minh Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Lưu Thúy Ái - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 140/2022/TLPT-HS ngày 04 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo Trần Ngọc N, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 09/2022/HS-ST ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thanh B.

Bị cáo có kháng cáo: Trần Ngọc N (Tên gọi khác: Không), sinh năm 1997 tại tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: Ấp 4, xã Bình T1, huyện Thanh B, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Ngọc T, sinh năm 1976 và bà Huỳnh Thị T2, sinh năm 1974; Bị cáo là con một trong gia đình; Vợ tên Trần Thị Thu T3, sinh ngày 23/5/2001 (đăng ký kết hôn ngày 21/3/2022); Con: Chưa có; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Tạm giữ: Không; Tạm giam: Không. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Trần Ngọc N: Luật sư Huỳnh Thị Quỳnh H – Văn phòng Luật sư Quỳnh H thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

Địa chỉ: Số 201, Thiên Hộ D, phường Hòa Th, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Nguyễn Văn Tuấn E; Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo; Viện kiểm sát không kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ ngày 23/9/2021 Nguyễn Văn Tuấn E mượn xe mô tô của Nguyễn Văn Tuấn A (anh ruột của Tuấn E) điều khiển đến gần trạm Y tế xã Bình T1 thì gặp bạn là Trần Ngọc N nên Tuấn E rủ N về nhà chơi, N đồng ý, do N đi bộ nên đã lên xe cho Tuấn E chở đi, khi đến đoạn kênh Cống Cả Phòng thuộc ấp Bình Th, xã Bình T1, huyện Thanh B, tỉnh Đồng Tháp thì phát hiện có một xe mô tô biển số 66L6-1063 của Nguyễn Thanh H1 đang đậu cặp bờ kênh, quan sát thấy không ai trông coi, Tuấn E rủ N lấy xe bán chia nhau tiêu xài, N đồng ý, Tuấn E ngừng xe sát chỗ xe ông H1, rồi dùng tay bẻ khóa cổ, tháo mặt nạ xe, còn N thì bứt dây điện xe, nối trực tiếp để khởi động cho xe nổ máy rồi điều khiển xe của ông H1 chạy về hướng xã Phong M huyện Cao L, còn Tuấn E thì chạy hướng ngược lại. Khi N chạy được khoảng 500m thì bị ông H1 phát hiện và truy hô lên, lúc đó có Nguyễn Văn S là em rể ông H1 cùng nhau truy đuổi bắt được N và thu giữ vật chứng là xe mô tô biển số 66L6-1063 giao cho cơ quan chức năng. Về phía Tuấn E chạy thoát và sau đó biết được N bị bắt nên bỏ trốn cho đến ngày 12/12/2021 thì bị cơ quan Công an xã Bình T1 mời đến lấy lời khai, tại đây Tuấn E đã khai nhận cùng với N thực hiện hành vi lấy trộm xe ông H1 như đã nêu trên.

Theo kết quả định giá tài sản số 108/KL-HĐ ngày 14/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Thanh B, xác định: 01 xe mô tô biển số 66L6 – 1063 màu sơn đỏ, nhãn hiệu FUGIAG, số máy 089569, số khung 5B-089569 có giá trị 2.400.000 đồng.

Tại Bản án sơ thẩm số 09/2022/HS-ST ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thanh B đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 17; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38, 58 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Tuấn E và Trần Ngọc N - phạm tội “Trộm cắp tài sản”

1. Xử phạt Nguyễn Văn Tuấn E – 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2. Xử phạt Trần Ngọc N – 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và nêu quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 18 tháng 3 năm 2022, bị cáo Trần Ngọc N có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Ngọc N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Bị cáo khẳng định Bản án sơ thẩm kết án bị cáo tội “Trộm cắp tài sản” là đúng người, đúng tội, không oan sai. Tuy nhiên, bị cáo giữ nguyên kháng cáo

xin giảm nhẹ hình phạt, được hưởng án treo và bổ sung kháng cáo xin cải tạo không giam giữ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm nhận định hành vi của bị cáo Trần Ngọc N bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật. Mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo N là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, được hưởng án treo. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo bổ sung kháng cáo xin cải tạo không giam giữ và trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm bị cáo nộp thêm xác nhận hoàn cảnh khó khăn; Xác nhận nơi bị cáo hiện đang làm; Các giấy tờ chứng nhận ông nội bị cáo là ông Trần Ngọc X có nhiều đóng góp cho địa phương; Đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và Đơn xin bãi nại của bị hại Nguyễn Thanh H1. Đây là những tình tiết mới được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Nhưng xét thấy, mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đầu khung hình phạt và phù hợp với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo. Vì vậy, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt.

Luật sư Huỳnh Thị Quỳnh H bào chữa cho bị cáo Trần Ngọc N thống nhất với tội danh mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử. Tuy nhiên, trong quá trình xét xử phúc thẩm, bị cáo có cung cấp thêm các tình tiết là ông nội bị cáo tên Trần Ngọc X có nhiều đóng góp cho Nhà Nước, được tặng Huân chương, có đơn xin giảm nhẹ hình phạt của bị hại, xác nhận bị cáo có nơi làm việc ổn định, vợ bị cáo hiện đang mang thai và không có việc làm. Những tình tiết này thuộc khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Khoản 1 Điều 36 Bộ luật Hình sự quy định “Cải tạo không giam giữ được áp dụng từ 06 tháng đến 03 năm đối với người phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng do Bộ luật này quy định mà đang có nơi làm việc ổn định hoặc có nơi cư trú rõ ràng nếu xét thấy không cần thiết phải cách ly người phạm tội khỏi xã hội...”. Xét thấy, bị cáo Trần Ngọc N có đủ điều kiện đáp ứng mức hình phạt cải tạo không giam giữ hoặc được hưởng án treo theo Điều 65 Bộ luật Hình sự và Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, được sửa đổi, bổ sung năm 2022. Vì vậy, tôi đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị cáo Trần Ngọc N.

Trong phần tranh luận, bị cáo Trần Ngọc N không tranh luận. Tại lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Vào lúc 14 giờ, ngày 23/9/2021, các bị cáo Nguyễn Văn Tuấn E và

Trần Ngọc N lợi dụng sự thiếu cảnh giác của chủ sở hữu trong quản lý tài sản, đã lén lút lấy trộm 01 xe mô tô biển số 66L6-1063 của Nguyễn Thanh H1 có giá trị là 2.400.000 đồng. Sau khi lấy xe chạy đi khoảng 500m thì N bị bắt quả tang với đầy đủ tang vật chứng. Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2022/HS-ST ngày 29-3-2022 của Tòa án nhân dân huyện Thanh B xét xử bị cáo Trần Ngọc N phạm tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan, sai.

[2] Xét thấy khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm có xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ như bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, mới phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội đã tích cực khắc phục hậu quả bồi thường cho bị hại được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 BLHS cho bị cáo là có căn nhắc tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, từ đó phán quyết mức án 06 (sáu) tháng tù đối với bị cáo là phù hợp.

[3] Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo. Tại phiên tòa, bị cáo bổ sung kháng cáo xin cải tạo không giam giữ và trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm bị cáo cung cấp thêm xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn; Đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đơn xin bãi nại của bị hại; Các bằng khen và giấy khen của ông nội bị cáo tên Trần Ngọc X và hiện nay vợ bị cáo đang mang thai. Hội đồng xét xử thấy rằng, đây là các tình tiết giảm nhẹ mới phát sinh so với xét xử sơ thẩm và được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nhưng xét thấy mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đã phù hợp với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên phần Quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo.

[4] Xét thấy phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ chấp nhận.

Xét lời phát biểu của vị luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Ngọc N là chưa phù hợp như Hội đồng xét xử đã phân tích ở phần trên nên không chấp nhận.

[5] Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[6] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Ngọc N.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2022/HS-ST ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thanh B về phần hình phạt đối với bị cáo Trần Ngọc N.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 17; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, 58 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc N 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-02-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Ngọc N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC- Vụ Giám đốc kiểm tra 1;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- Cơ quan THAHS Công an Tỉnh;
- TAND huyện Thanh B (02 bản);
- VKSND huyện Thanh B;
- CCTHADS huyện Thanh B;
- CQCSĐT Công an huyện Thanh B;
- Bị cáo;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA.TA Tỉnh;
- Lưu: VT, HSVA (H).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Mỹ